

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v “Tranh chấp về hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tân Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp G, xã K, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Lê Văn N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D, ấp T, xã K, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 05/11/2025). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

2. Em Nguyễn Khánh N1, sinh năm 2023. Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh (con chung của bà H và ông T1). Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị

H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh. (Bà H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Văn N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2023, bà T có mở một số dây hội tháng, ông Nguyễn Văn T1 là chồng của bà Nguyễn Thị H có tham gia một số dây hội, cụ thể:

1. Dây hội 2.000.000 đồng, hội tháng, mở hội ngày 19/04/2023 âm lịch (AL), gồm 25 phần, mỗi tháng mở 1 lần, ông T1 tham gia 01 phần. Bà T có giao 01 tờ giấy ghi danh sách các thành viên tham gia hội (trong danh sách ghi Thọ Hương). Về cách thức chơi hội, sau 05 ngày mở hội sẽ giao tiền hội cho người hốt, tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng, quy định số tiền bỏ hội thấp nhất là 300.000 đồng. Ông T1 đóng hội được 5 lần đến lần thứ 6 (ngày 19/9/2023 AL) ông T1 hốt hội (bỏ thăm 610.000 đồng) được số tiền 35.410.000 đồng (đã trừ đầu thảo), bà T đã giao tiền hội cho ông T1 và ông T1 có ký tên vào sổ hội ngày 24/9/2023. Sau khi hốt hội, ông T1 đóng được 8 lần hội chết (đến lần thứ 14) thì ông T1 chết nên không đóng hội nữa, từ lần thứ 15 tức ngày 19/6/2024AL đến ngày khi mãn hội, bà T phải đóng choàng hội phần của ông T1 là 11 lần với số tiền 22.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T đã khởi kiện giai đoạn từ 19/6/2024 đến 19/11/2024 với số lần choàng hội 6 lần với số tiền là 12.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay bà T khởi kiện tiếp 5 lần nữa đến 19/4/2025 (hiện đã mãn hội) vì bà T cũng đã choàng hội cho ông T1 xong, nay bà T yêu cầu bà H là vợ ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 10.000.000 đồng.

2. Dây hội 2.000.000 đồng, hội tháng, mở hội ngày 06/11/2023 AL, gồm 26 phần, mỗi tháng mở 1 lần, ông T1 tham gia 01 phần. Bà T có giao 01 tờ giấy ghi danh sách các thành viên tham gia hội (trong danh sách ghi Thọ Hương số 12). Cách thức hoạt động của dây hội này như dây hội thứ 1. Ông T1 đóng được 3 lần đến lần thứ 4 (ngày 06/02/2024 AL) ông T1 hốt (bỏ thăm 330.000 đồng) được số tiền 41.740.000 đồng (đã trừ đầu thảo), bà T đã giao tiền hội cho ông T1 và ông T1 có ký tên vào sổ hội ngày 11/02/2024 AL. Sau khi hốt hội, ông T1 đóng được 4 lần (đến kỳ thứ 8) thì ông T1 chết (16/6/2024 AL), bà T đã đóng choàng hội từ kỳ mở hội thứ 09 ngày 06/7/2024 (AL) đến khi mãn hội 06/11/2025 (AL). Tuy nhiên, bà T đã khởi kiện giai đoạn từ 06/7/2024 (AL) ngày 06/11/2024 là 5 lần với số tiền 10.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay bà T khởi kiện tiếp 13 lần nữa đến tháng 06/11/2025 (AL) do nhuần 2 tháng 6 AL nên hội mãn vào 06/11/2025 (AL). Vì bà T đã choàng hội cho ông T1 xong, nay bà T yêu cầu bà H là vợ ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 26.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hui trên bà T đã đóng hui thay cho ông T1 là 36.000.000 đồng, do ông T1 và bà H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và sống chung nhà, ông T1 hốt hui để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nhưng ông T1 chết đột ngột nên bà T yêu cầu bà H thực hiện trách nhiệm liên đới của vợ chồng để trả 36.000.000 đồng tiền hui là nghĩa vụ của ông T1 đối với bà T. Về tiền lãi chậm trả từ khi đóng hui thay đến nay thì bà T không yêu cầu.

Khi ông T1 chết thì bà T có đến đòi nợ hui bà H và bà H có thương lượng với bà T lấy tài sản trừ nợ nhưng bà T không lấy. Nay bà H nói không biết gì về việc ông T1 chơi hui và không đồng ý trả là không phù hợp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày ý kiến liên quan đến 02 dây hui được ghi nhận tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng (nay là Tòa án nhân khu vực 9-Tây Ninh) và người đại diện hợp pháp của bà H trình bày :

Bà H và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 2021, sinh sống với nhau tại căn nhà thuê, ông T1 làm máy chà tại ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Bà H là giáo viên dạy trường Mầm non xã K. Lúc còn chung sống thì giữa bà H và ông T1 không sử dụng chung về tiền bạc, ông T1 không giao bà H giữ tiền vì ông T1 buôn bán cần tiền trao đổi khách hàng, vì hoàn cảnh khó khăn nên ông T1 còn phải báo hiếu mẹ già. Tiền bạc xài chung mỗi bên bỏ ra một nửa, vay nợ ngân hàng và ngoài xã hội mỗi người tự chi trả số tiền của mình.

Đến ngày 21/07/2024, ông T1 đi làm trên đường về gần tới nhà thì bị tai nạn giao thông, gia đình chở đi bệnh viện thì ông T1 chết. Khi ông T1 chết rất nhiều người tìm đến đòi nợ. Việc ông T1 chơi hui bà H không biết và cũng không nghe ông T1 nói đến việc chơi hui của bà Trần Thị T. Bà H vẫn thường đi chợ gặp bà T cũng không nghe bà T nói gì. Sau khi ông T1 chết thì bà T đến nhà bà H đòi nợ nhiều lần nhưng bà không có tiền để trả. Bà T còn yêu cầu bà H ký vào giấy xác nhận việc ông T1 chơi hui của bà T nhưng bà không chịu ký. Ông T1 hốt hui không đưa cho bà H số tiền nào để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và chi trả ngân hàng vì hiện tại ông T1 vẫn đang thiếu nợ ngân hàng. Hiện tại hoàn cảnh bà H rất khó khăn một mình nuôi hai con nhỏ (một con riêng của bà H và một con chung của bà H với ông T1 sinh năm 2023), ngoài ra còn nợ Ngân hàng N2. Do đó, bà H không đồng ý trả tiền hui theo yêu cầu của bà Trần Thị T.

Trước đây, khi ông T1 mới mất thì bà H chưa ổn định tâm lý, bà T đến đòi tiền hui thì bà H có đồng ý giao tài sản của ông T1 để lại là 01 chiếc xe ba gác để trừ nợ nhưng do bà T không chịu nhận nên bà H đã bán chiếc xe được số tiền 20.000.000 đồng và bà H đã sử dụng số tiền bán xe để lo cho đám tang của ông T1. Bà H xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 hiện tại gồm có mẹ ông T1 là bà Nguyễn Thị R, bà H là vợ hợp pháp của ông T1 và con chung của ông T1 và bà H là cháu Nguyễn Khánh N1, sinh năm 2023. Sau khi ông T1 chết có để lại tài sản riêng là xe ba gác (đã bán nói trên), máy xay xát lúa gạo và đất thổ cư hiện bà H đang quản lý, đồng thời ông T1 cũng để lại nợ Ngân hàng N2 hiện bà H đang chịu trách nhiệm trả. Gia đình 04 người sống chung nhà, mọi chi tiêu

trong gia đình thì ông T1 chịu trách nhiệm chi phí hàng ngày, khi cần khoảng tiền lớn để mua tài sản hoặc vay nợ thì mỗi người đóng góp một nửa.

Ngoài ra, bà H và người đại diện hợp pháp của bà H còn cho rằng khi còn sống, ông T1 không trao đổi, bàn bạc với bà H việc vay mượn nợ và chi tiêu tiền nong; sau khi ông T1 chết, tài sản ông T1 để lại ít hơn số nợ nên không đồng ý trả nợ hui theo yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà R là mẹ ruột của ông T1, là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị H. Khi con bà chết đi có để lại nợ nần thì bà cũng có biết. Khi còn sống ông T1 có nói cho bà biết là có chơi hui và hót hui về trả lãi ngân hàng. Vay ngân hàng để mua đất. Khi chung sống thì vợ chồng H và T1 có tạo lập được sổ tài sản, mua đất và cũng có nợ ngân hàng. Nay bà T yêu cầu bà H trả số nợ hui 36.000.000 đồng thì bà R không có ý kiến. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà R cũng không khả năng hỗ trợ bà H trả nợ hui cho bà T.

Tại phiên tòa, bà T và người đại diện hợp pháp của bà H vẫn giữ quan điểm như quá trình hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của bà T, bà yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền nợ hui 36.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo lời trình bày và các tài liệu bà T cung cấp thể hiện vào năm 2023 ông T1 tham gia 02 phần hui tháng khui ngày 19/4/2023 âm lịch (mãn hui ngày 19/4/2025) và ngày 06/11/2023 âm lịch (mãn hui ngày 06/12/2025) tên tham gia trong các danh sách hui là “Thọ Hương”; ông T1 đã hót hết các phần hui mà ông đã tham gia và tại các giấy số hui bà T cung cấp thể hiện bà T đã giao tiền hót hui và ông T1 là người ký tên nhận tiền. Sau khi hót hui, ông T1 vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho bà T đối với dây hui khui ngày 19/4/2023 âm lịch được 08 lần (đóng đến kỳ thứ 14); 04 lần (tức đến kỳ thứ 8) đối với dây hui tháng khui ngày 06/11/2023 âm lịch. Do đó, có việc ông T1 tham gia hui, nhận tiền hót hui và đóng hui như lời trình bày của bà T. Do ông T1 bị tai nạn chết nên ngưng không đóng hui cho bà T nữa.

Thời gian ông T1 tham gia hui do bà T làm đầu thảo hui từ năm 2023 đến khi ông T1 chết thì giữa bà H, ông T1 là vợ chồng hợp pháp. Bà H cho rằng việc ông T1 tham gia chơi hui do bà T làm đầu thảo bà không biết. Bà H và ông T1 đăng ký kết hôn vào năm 2021, từ khi kết hôn ông, bà sinh sống cùng nhau tại ấp S, xã V cho đến ngày 21/7/2024 ông T1 bị tai nạn chết. Khi còn sống thì mọi

chỉ tiêu sinh hoạt trong gia đình do ông T1 lo, đối với các khoản chi tiêu lớn như cất nhà, mua đất thì bà và ông T1 mỗi người góp một nửa.

Từ những căn cứ trên nhận thấy có việc ông T1 tham gia hội do bà T làm thảo hội, ông T1 đã hót hội và bà T đã giao tiền hội đầy đủ. Ông T1 và bà H là vợ chồng hợp pháp, việc ông T1 tham gia hội diễn ra trong thời gian dài và trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với bà H; bà H cũng trình bày khi ông T1 còn sống thì mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do ông T1 lo nên việc bà H trình bày không biết, không đồng ý trả nợ hội cho bà T là không có căn cứ.

Theo bản án phúc thẩm số 687/2025/DS-PT ngày 26/9/2025 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 28.000.000 đồng.

Do hai dây dọi trên ông T1 còn nợ lại bà T số tiền 36.000.000 đồng, ông T1 mất, bà H và ông T1 là vợ chồng hợp pháp, nợ hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hội 36.000.000 đồng.

Về yêu cầu lãi suất chậm trả: Bà T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà R không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích trên căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 288, 357, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ Nghị định họ, hội, biểu, phường đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hội”. Bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà R vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Danh sách các dây hội có tên ông T1 tham gia,

chữ ký ông T1 trong sổ hụi khi được bà T giao tiền hụi. Cụ thể: Theo lời trình bày và các tài liệu bà T cung cấp thể hiện vào năm 2023 ông T1 tham gia 02 phần hụi tháng khui ngày 19/4/2023 âm lịch và ngày 06/11/2023 âm lịch; tên tham gia trong các danh sách hụi là “Thọ Hương”; ông T1 đã hót hết các phần hụi tháng mà ông đã tham gia và sổ hụi bà T cung cấp thể hiện bà T đã giao tiền hụi cho ông T1 (ông T1 có ký tên xác nhận trong sổ hụi và sau khi xem chữ ký của ông T1), bà H cũng xác nhận đúng chữ viết của ông T1 (tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng (nay là Tòa án nhân khu vực 9-Tây Ninh). Sau khi hót hụi, ông T1 vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà T đối với các dây hụi đã tham gia cho đến khi ông T1 chết do tai nạn. Do đó, có căn cứ xác định việc ông T1 có tham gia các dây hụi, đã được hót hụi và tiếp tục đóng hụi chết một thời gian như trình bày của bà T.

Sau khi ông T1 chết, bà T có thông tin cho bà H biết để đóng tiếp tiền hụi chết nhưng do bà H không đồng ý nên bà T là đầu thảo đã đóng thay hụi chết cho ông T1 để duy trì các dây hụi. Nguyên đơn đã đóng choàng hụi nên nguyên đơn khởi kiện bà H là vợ hợp pháp của ông T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T1 theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biểu, phường là có căn cứ.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày bà và ông T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V. Ông T1 và bà H sống chung và mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình hàng ngày là do ông T1 lo, khi vợ chồng có chi tiêu khoản tiền lớn thì mỗi người đóng góp một nửa; Bà Nguyễn Thị R là mẹ ruột của ông T1 cũng trình bày là ông T1 có nói cho bà biết việc ông T1 có chơi hụi và hót hụi để đóng lãi ngân hàng, mục đích vay tiền ngân hàng để ông T1 và bà H mua đất thổ cư. Ông T1 chết thì có để lại tài sản và để lại nợ đều do bà H quản lý. Do đó, việc bà H cho rằng không biết việc ông T1 chơi hụi của bà T và không sử dụng tiền hót hụi nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T là không phù hợp.

[3.3] Bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông T1 sử dụng tiền hót hụi của bà T dùng vào việc riêng nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ của bà T theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Hơn nữa, tại bản án sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh) và bản án phúc thẩm số 687/2025/DS-PT ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án tỉnh Tây Ninh) đã xét xử việc tranh chấp hụi giữa bà T với bà H đã có hiệu lực pháp luật đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó phần còn lại của 02 dây hụi tháng 2.000.000 đồng bà T đã đóng choàng hụi cho ông T1 và hiện tại cả 02 dây hụi đều đã mãn thì bà H là vợ ông T1 phải có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền hụi bà T đã đóng là 36.000.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về tiền lãi: Do bà T không có yêu cầu tiền lãi phát sinh kể từ ngày bà đóng hui thay đến nay nên không xem xét.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị R (là mẹ của ông T1), em Nguyễn Khánh N1 (là con chung của bà H và ông T1) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1. Do bà T chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T1, không yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 có trách nhiệm liên đới trả nợ của ông T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 288, 357, 471 Bộ luật Dân sự; Các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biếu, phò; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc “Tranh chấp về hui” với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T tiền hui là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị T 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0009233 ngày 23/10/2025.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 9-Tây Ninh;
- Chi cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh